

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21-5-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Trường

Bà Hà Thị Thúy Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị D, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 2000.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị D tự nguyện kết hôn với bị đơn anh Nguyễn Đức C vào năm 2020, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu trong

khoảng thời gian 01 năm, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Hai bên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 09/3/2020. Sau khi kết hôn, do bị đơn ở rể nên vợ chồng chung sống tại thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 02/2022 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do bị đơn hay chơi cờ bạc làm tổn hại kinh tế gia đình. Nguyên đơn và gia đình đã cố gắng khuyên bảo nhưng bị đơn vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 02/2022, bị đơn đã bỏ nhà đi, không còn quan tâm đến vợ, con. Hiện nay bị đơn không còn chung sống với nguyên đơn. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2022 đến nay. Nguyên đơn nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Dương Đăng K, sinh ngày 10/3/2019. Khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Đức C: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc. Ngày 27/3/2025, Tòa án nhận được đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt của bị đơn với lý do bị đơn bận công việc nên không đến Tòa án tham gia tố tụng được. Bị đơn trình bày ý kiến: Về quan hệ hôn nhân, bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Về con chung, nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn được trực tiếp nuôi con là cháu Dương Đăng K, sinh ngày 10/3/2019, về việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung bị đơn không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 21/4/2025 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị D và anh Nguyễn Đức C xảy ra mâu thuẫn vợ chồng như thế nào thì phía ủy ban không nắm được, vợ chồng cũng chưa nhờ chính quyền hòa giải mâu thuẫn lần nào. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng chị Dương Thị D và anh Nguyễn Đức C đã sống ly thân với nhau. Về con chung: Vợ chồng chị Dương Thị D và anh Nguyễn Đức C có 01 người con chung như chị Dương Thị D khai là đúng, ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hợp pháp nào khác. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Dương Thị D và anh Nguyễn Đức C. Đại diện thôn C, xã T cho biết chị Dương Thị D và anh Nguyễn Đức C sau khi kết hôn chung sống tại thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như thế nào đại diện thôn không rõ, chị Dương Thị D và anh Nguyễn Đức C chưa nhờ thôn hòa giải lần nào, đến năm 2023 thì anh Nguyễn Đức C bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng chị Dương Thị D và anh Nguyễn Đức C đã sống ly thân từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn không

đến, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, coi như bị đơn đã tự từ bỏ quyền của mình. Ngày 23/3/2025, bị đơn viết đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Dương Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Đức C. Về con chung: Giao cháu Dương Đăng K, sinh ngày 10/3/2019 cho nguyên đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Đức C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị D và anh Nguyễn Đức C kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B vào ngày 09/3/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị D và anh Nguyễn Đức C là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh Nguyễn Đức C hay chơi cờ bạc làm tổn thất kinh tế gia đình. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau. Chị Dương Thị D và anh Nguyễn Đức C đã ly thân từ cuối năm 2022 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Xác định tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị D và anh Nguyễn Đức C thấy rằng: Chị Dương Thị D và anh Nguyễn Đức C đều thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh Nguyễn Đức C cũng nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị D. Tuy nhiên do hiện nay anh đang bận công việc nên không về tham gia tố tụng tại Tòa án được, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh theo quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Dương Thị D và anh Nguyễn Đức C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Dương Thị D yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Đức C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Dương Thị D và anh Nguyễn Đức C có 01 người con chung là Dương Đăng K, sinh ngày 10/3/2019, hiện nay con chung đang ở với chị Dương Thị D. Việc thống nhất nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng của chị Dương Thị D và anh Nguyễn Đức C là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Dương Đăng K, sinh ngày 10/3/2019 cho chị Dương Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Đức C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Đức Cường Q đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Dương Thị D trình bày là không có, anh Nguyễn Đức C không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Dương Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Dương Thị D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004216 ngày 13/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị D, cho chị Dương Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Đức C.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Đăng K, sinh ngày 10/3/2019 cho chị Dương Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Đức C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Đức C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Dương Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004216 ngày 13/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Dương Thị D có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Đức C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Lương Thị Mỹ Hạnh**